

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HS-ST

Ngày: 16-3-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Xuân Thủy.

Bà Lê Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2020/TLST - HS ngày 06 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST - HS ngày 05 tháng 3 năm 2020, đối với bị cáo:

Phạm Đăng T, sinh năm 1995; nơi sinh: Xã V, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi ĐKKHKT và cư trú tại: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đăng Đ và bà Đỗ Thị C; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26 tháng 11 năm 2019 cho đến nay (Có mặt).

- Người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Thế C, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

+ Anh Trần Quang L; sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn ra tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Đăng T bị mắc nghiện chất ma túy và thường sử dụng loại ma túy Heroine. Do cần có ma túy để sử dụng cho bản thân nên khoảng 11 giờ 00 phút, ngày 26-11-2019, Thợ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave màu xanh BKS 18F6-

8516 (xe mô tô BKS 18F6-8516 là của ông Đỗ Văn Đ cho bị cáo cho mượn) đi từ nhà tại thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Nam Định ra khu vực ga Nam Định thuộc thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định để tìm mua ma túy. Tại khu vực ga tàu, T gặp một người đàn ông khoảng 40 tuổi (T không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người này) đang đứng một mình ở bên lề đường theo hướng T đi. T đoán người đàn ông đó có ma túy bán nên T đã điều khiển xe mô tô đến gần và hỏi “Anh có Heroine không, bán cho em 200.000 đồng”, người đàn ông đó trả lời là “Có”, T liền lấy ở trong túi quần bên trái phía trước T đang mặc ra 200.000 đồng đưa cho người đàn ông đó. Người đàn ông đó nhận tiền của T rồi đưa luôn cho T 02 gói nhỏ ma túy đều có đặc điểm vỏ ngoài là lớp ni lông màu đen, bên trong là giấy bạc màu vàng, trong cùng là chất bột dạng cục màu trắng. Sau khi nhận ma túy T cất giấu luôn vào túi quần bên phải phía trước đang mặc rồi điều khiển xe mô tô đi ngược theo đường cũ để về nhà. Khi T đi về đến khu vực ngã tư thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Nam Định thì bị tổ công tác của Công an huyện V và Công an xã V đang làm nhiệm vụ tại đó yêu cầu T dừng xe để kiểm tra hành chính. Do đang cất giấu 02 gói ma túy ở trong túi quần, biết không thể che giấu được nên T đã tự giác giao nộp 02 gói ma túy vừa mua được cho tổ công tác của Công an.

Tổ công tác của Công an đã thu giữ 02 gói ma túy của T giao nộp đều có đặc điểm vỏ ngoài là lớp ni lông màu đen, bên trong là giấy bạc màu vàng, trong cùng là chất bột dạng cục màu trắng, được niêm phong ký hiệu là M1; ngoài ra còn thu giữ của T: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu xanh BKS 18F6-8516; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen và số tiền 1.100.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 1049/GĐKTHS ngày 27-11-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Mẫu bột dạng cục màu trắng trong 02 gói giấy bạc màu vàng, bên ngoài đều bọc ni lông màu đen được niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định đều là ma túy. Loại ma túy: Heroine. Tổng khối lượng mẫu M1: 0,121 gam.

Ngày 09-01-2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu xanh BKS 18F6-8516 cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Đỗ Văn Đ và trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen cho ông Đỗ Văn Đ theo nguyện vọng và đề nghị của bị cáo T.

Cáo trạng số 05/CT-VKSVB ngày 04-02-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Phạm Đăng T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Đăng T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của mình đúng như nội dung đã nêu trên và xin được giảm nhẹ một phần hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Phạm Đăng T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Đăng T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Đăng T từ 18 tháng đến 24 tháng tù và miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy (Heroine) cùng vỏ bao gói cơ quan giám định đã hoàn lại đối tượng giám định được đựng trong 01 phong bì niêm phong số 1049/GĐKTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định.

+ Trả lại cho bị cáo T số tiền 1.100.000 đồng.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo T phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của bị cáo: Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Đăng T được chứng minh bằng lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa cùng với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Bản kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định; Vật chứng của vụ án đã thu giữ; Lời khai của bị cáo, của người làm chứng tại cơ quan điều tra; Bản kết luận điều tra; Bản cáo trạng. Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 12 giờ 10 phút ngày 26-11-2019 tại ngã tư chợ si thuộc địa phận thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Nam Định, bị cáo Phạm Đăng T đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép ở trong túi quần bên phải phía trước bị cáo đang mặc 02 gói ma túy, loại Heroine, có tổng khối lượng là 0,121 gam, với mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị tổ công tác của Công an huyện V và Công an xã V bắt quả tang.

Đối chiếu hành vi nêu trên của bị cáo T với những quy định của Bộ luật hình sự hiện hành thì hành vi đó của bị cáo T đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định truy tố hành vi của bị cáo T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và sự đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo T đã xâm phạm tới chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy; ngoài ra còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Về nhân thân: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa thể hiện trước lần phạm tội này bị cáo chưa có vi phạm pháp luật gì.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Đường lối xử lý về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân, động cơ mục đích phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng loại hình phạt tù đối với bị cáo và tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi môi trường xã hội một thời gian nhất định thì mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội được, đồng thời cũng là để răn đe, giáo dục phòng ngừa tội phạm nói chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo tàng trữ ma túy, với mục đích để sử dụng cho bản thân nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với số ma túy (Heroine) cơ quan giám định đã hoàn lại đối tượng giám định là vật Nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 1.100.000 đồng. Xác định là tiền của bị cáo lao động chân chính mà có và không có liên quan gì đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu di động Samsung màu đen. Xác định là tài sản hợp pháp của bị cáo và không có liên quan gì đến việc phạm tội. Nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại cho người thân của bị cáo theo nguyện vọng và đề nghị của bị cáo là phù hợp. Vì vậy, HĐXX không xem xét, giải quyết.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu xanh BKS 18F6-8516. Xác định chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe này là ông Đỗ Văn Đ và ông Đ không biết được việc bị cáo mượn chiếc xe của mình để đi mua ma túy. Nên cơ quan CSĐT

Công an huyện V đã trả lại cho ông Đ là phù hợp. Vì vậy, HĐXX không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo T phải nộp theo quy định của pháp luật.

[8]. Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo T (theo lời khai của bị cáo). Do chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người đàn ông đó nên cơ quan CSĐT Công an huyện V đã tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau là phù hợp.

[9]. Đối với ông Đỗ Văn Đ là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu xanh BKS 18F6-8516 nhưng ông Đ đã được nhận lại chiếc xe mô tô của mình và ông không có yêu cầu đề nghị gì về việc bồi thường. Do đó, Hội đồng xét xử không đưa ông Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Phạm Đăng T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.
- Xử phạt bị cáo Phạm Đăng T 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26 tháng 11 năm 2019.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 1049/GĐKTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định (Bên trong phong bì có đựng số ma túy (Heroin) và vỏ bao gói cơ quan giám định đã hoàn lại đối tượng giám định, theo như Bản kết luận giám định số 1049/GĐKTHS ngày 27-11-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định).

- Trả lại cho bị cáo Phạm Đăng T số tiền 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng).

(Vật chứng đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định theo như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10-02-2020 giữa Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phạm Đăng T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Đăng T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Quân

